

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 01/2022/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 06 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc đi nước ngoài
của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng
11 năm 2019;*

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và
Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của
Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy,
nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về việc đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành,

đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *7.4*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Đối ngoại Trung ương;
- Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự);
- Sở Ngoại vụ TP.HCM;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Các cơ quan đảng thuộc Tỉnh ủy;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Huyện, thành, thị ủy và tương đương;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUBND: các PVP, BTCĐ, TTTH&CB, các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, NC(Sang). *lan*

326

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Man*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vinh

QUY ĐỊNH

Về việc đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tiền Giang
(Kèm theo Quyết định số 01 /2022/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khi đi nước ngoài về việc công hoặc việc riêng; quy định về việc cán bộ, công chức, viên chức không được phép đi nước ngoài; quy định về việc xin ý kiến; quy định cho phép đi nước ngoài; thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị giải quyết việc đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này được áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang (gọi tắt là CBCCV) trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Các cơ quan Đảng: Các Ban Đảng, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn; các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy và Đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy;

b) Các cơ quan nhà nước gồm: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị trực thuộc;

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;

d) Các đơn vị lực lượng vũ trang: Công an, Quân sự, Bộ đội Biên phòng;

đ) Các tổ chức hội, doanh nghiệp nhà nước (đối với nhân sự được cơ quan nhà nước cử sang làm việc và ban lãnh đạo);

e) Các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước (đối với nhân sự được cơ quan nhà nước cử sang làm việc).

Điều 2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khi đi nước ngoài

1. Thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quy định của nước sở tại; tuân thủ pháp luật quốc tế, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong quan hệ giao tiếp với người nước ngoài phải tuyệt đối giữ bí mật quốc gia,

không phát biểu hoặc làm những việc phương hại đến lợi ích đất nước và an ninh quốc gia; luôn đề cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa và đấu tranh với những hoạt động móc nối, thu thập tình báo, lôi kéo chia rẽ, chống đối, không chế của các thế lực thù địch, khi phát hiện phải kịp thời báo cáo với Trường đoàn (nếu đi theo đoàn) hoặc Trường cơ quan đại diện của nước ta ở nước sở tại và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống các hoạt động mua chuộc, móc nối, lôi kéo của các thế lực thù địch.

2. Chấp hành nghiêm chế độ bảo quản và sử dụng tài liệu mật, khi đi nước ngoài không được mang tài liệu mật, tài liệu chưa được phép lưu hành của Đảng, Nhà nước ra nước ngoài nếu không được phép của cơ quan có thẩm quyền; không mang tài liệu phản động, tài liệu cấm lưu hành trong nước, những loại hàng cấm, các loại văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại về nước, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc cho phép và phải giao nộp đầy đủ tài liệu đó cho cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc sau khi về nước, CBCCVC phải báo cáo bằng văn bản, trung thực, đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ, kinh phí mà các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đã tài trợ cho CBCCVC trong chuyến đi nước ngoài (nếu có) với thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý. Thủ trưởng trực tiếp các cơ quan, đơn vị có CBCCVC đi nước ngoài xác nhận nội dung báo cáo của CBCCVC thuộc quyền quản lý trước khi gửi về Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan theo quy định. Nếu CBCCVC tham gia theo đoàn đi nước ngoài thì Trường đoàn thay mặt đoàn ký báo cáo gửi các cơ quan quản lý CBCCVC theo quy định.

4. Không được sử dụng ngân sách của Nhà nước chi cho mục đích đi tham quan, du lịch, việc riêng; nếu được tổ chức, cá nhân, đơn vị tài trợ thì phải nêu rõ tên của tổ chức, cá nhân, đơn vị đó và chỉ được xuất cảnh ra nước ngoài khi có ý kiến đồng ý của cấp ủy quản lý và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Đi đến đúng quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép; không sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ vào việc riêng; chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh.

6. CBCCVC các đơn vị lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định này và các quy định riêng của ngành quản lý cấp trên.

7. CBCCVC ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thực hiện theo Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật và thực hiện theo quy định này.

Điều 3. Cán bộ, công chức, viên chức không được phép đi nước ngoài

1. CBCCVC thuộc các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 36, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, trừ trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 37, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

2. CBCCVC chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chấp thuận việc đi nước ngoài theo Quy định này.

3. CBCCVC là đảng viên vi phạm Điều 21 Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị quy định “một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”.

Chương II

QUY ĐỊNH XIN Ý KIẾN

Điều 4. Xin ý kiến Trung ương, cơ quan Đảng khi đi nước ngoài

1. Đối với nhân sự là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại các cơ quan đảng của tỉnh; Bí thư Tỉnh ủy (kể cả trường hợp Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); nhân sự nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng công tác tại địa phương, Bí thư Tỉnh ủy đã nghỉ hưu, khi đi nước ngoài sử dụng ngân sách nhà nước:

Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu Thường trực Tỉnh ủy gửi tờ trình về việc đi nước ngoài đến Ban Đối ngoại Trung ương để thẩm định và trình Thường trực Ban Bí thư xem xét quyết định.

2. Đối với nhân sự là Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại các cơ quan chính quyền thuộc tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (không phải là Bí thư Tỉnh ủy):

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi tờ trình về việc đi nước ngoài đến Văn phòng Chính phủ, đồng gửi Bộ Ngoại giao để thẩm định và trình xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Tỉnh ủy.

3. Đối với nhân sự là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang; Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang:

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang gửi tờ trình về việc đi nước ngoài đến Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, đồng gửi Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao để thẩm định và trình xin ý kiến Chủ tịch Quốc hội sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Tỉnh ủy.

4. Đối với nhân sự là Phó Bí thư Tỉnh ủy, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi đi nước ngoài; nhân sự nguyên là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã nghỉ hưu khi đi nước ngoài sử dụng ngân sách nhà nước:

Phải có ý kiến phê duyệt của Thường trực Tỉnh ủy thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định theo quy định của Tỉnh ủy về công tác quản lý và nhiệm vụ của đảng viên, CBCCVC đi nước ngoài và quan hệ với cá nhân, tổ chức nước ngoài.

5. Đối với nhân sự là cán bộ không thuộc các diện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ quản có nhân sự là đảng viên đi nước ngoài phải xin ý kiến cơ quan Đảng cấp trên theo phân cấp quản lý cán bộ.

Chương III

QUY ĐỊNH XÉT, CHO PHÉP ĐI NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Đi nước ngoài về việc công

1. Đối với nhân sự là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy (kể cả trường hợp Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), hồ sơ gồm:

a) Ý kiến chấp thuận của Thường trực Ban Bí thư về việc đi nước ngoài thông qua Ban Đối ngoại Trung ương (hoặc Thư triệu tập của Trung ương);

b) Văn bản của Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Ngoại vụ thực hiện thủ tục đi nước ngoài.

2. Đối với nhân sự là Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (không phải là Bí thư Tỉnh ủy), hồ sơ gồm:

a) Ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về việc đi nước ngoài thông qua Văn phòng Chính phủ (hoặc Thư triệu tập của Trung ương);

b) Văn bản chấp thuận của Thường trực Tỉnh ủy về việc đi nước ngoài thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

c) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Ngoại vụ thực hiện thủ tục đi nước ngoài.

3. Đối với nhân sự là đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, hồ sơ gồm:

a) Văn bản chấp thuận về mặt chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với các chức danh lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh (khỏi Nhà nước); lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành, thị, lãnh đạo các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoặc được cổ phần hóa mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối 51% trở lên);

b) Văn bản chấp thuận của Thường trực Tỉnh ủy về việc đi nước ngoài thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

c) Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ quản gửi đến Sở Ngoại vụ đề nghị xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho CBCCV đi nước ngoài;

d) Văn bản thẩm định mức chi, nguồn chi của Sở Tài chính (đối với trường hợp sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh);

đ) Thư mời, kế hoạch, lịch trình chuyến đi hoặc giấy triệu tập (nếu có).

4. Đối với Đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài do Bí thư Tỉnh ủy hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng đoàn, hồ sơ gồm:

a) Ý kiến chấp thuận của Thường trực Ban Bí thư về việc đi nước ngoài thông qua Ban Đối ngoại Trung ương;

b) Ý kiến chấp thuận của Thường trực Tỉnh ủy về việc cho đoàn cán bộ đi nước ngoài thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy (các thành viên trong đoàn được đơn vị cử đi không phải làm văn bản đề xin ý kiến về mặt đảng viên);

c) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Ngoại vụ thực hiện thủ tục liên quan đi nước ngoài cho đoàn;

d) Kế hoạch, lịch trình chuyến đi, thư mời (nếu có).

5. Đối với Đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài do Phó Bí thư Tỉnh ủy (không phải là Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) làm Trưởng đoàn, hồ sơ gồm:

a) Ý kiến chấp thuận của Thường trực Tỉnh ủy về việc cho đoàn cán bộ đi nước ngoài thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy (các thành viên trong đoàn được đơn vị cử đi không phải làm văn bản đề xin ý kiến về mặt đảng viên);

b) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Ngoại vụ thực hiện thủ tục liên quan đi nước ngoài cho đoàn;

c) Kế hoạch, lịch trình chuyến đi, thư mời (nếu có).

6. Đối với Đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, hồ sơ gồm:

a) Ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về việc đi nước ngoài thông qua Văn phòng Chính phủ;

b) Ý kiến chấp thuận của Thường trực Tỉnh ủy về việc cho đoàn cán bộ đi nước ngoài thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy (các thành viên trong đoàn được đơn vị cử đi không phải làm văn bản đề xin ý kiến về mặt đảng viên);

c) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Ngoại vụ thực hiện thủ tục liên quan đi nước ngoài cho đoàn;

d) Kế hoạch, lịch trình chuyến đi, thư mời (nếu có).

7. Đối với Đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, hồ sơ gồm:

a) Ý kiến chấp thuận của Thường trực Tỉnh ủy về việc cho đoàn cán bộ đi nước ngoài thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy (các thành viên trong đoàn được đơn vị cử đi không phải làm văn bản đề xin ý kiến về mặt đảng viên);

b) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Ngoại vụ thực hiện thủ tục liên quan đi nước ngoài cho đoàn;

c) Kế hoạch, lịch trình chuyến đi, thư mời (nếu có).

8. Đối với nhân sự không thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này, hồ sơ gồm:

a) Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ quản gửi đến Sở Ngoại vụ đề nghị xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho CBCCVC đi nước ngoài (đính kèm văn bản của đơn vị trực thuộc nếu nhân sự đang công tác ở đơn vị trực thuộc);

b) Văn bản chấp thuận của cơ quan Đảng cấp trên theo phân cấp quản lý cán bộ (đối với CBCCVC là đảng viên);

c) Văn bản thống nhất của Sở Nội vụ (đối với trường hợp CBCCVC được cử đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài từ 06 tháng trở lên hoặc tham dự các khóa đào tạo đại học, sau đại học ở nước ngoài);

d) Văn bản thẩm định mức chi, nguồn chi của Sở Tài chính (đối với trường hợp CBCCVC sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh);

đ) Chương trình, kế hoạch, thư mời (nếu có).

9. Đối với cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang thuộc Công an, Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đi nước ngoài, hồ sơ gồm:

a) Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý ngành dọc theo phân cấp quản lý;

b) Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Đảng cấp trên theo phân cấp quản lý;

c) Văn bản của cơ quan quản lý cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang gửi đến Sở Ngoại vụ đề nghị xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang đi nước ngoài;

d) Chương trình, kế hoạch, thư mời (nếu có).

Điều 6. Đi nước ngoài về việc riêng

CBCCVC quy định tại khoản 2, Điều 1, Quy định này, hồ sơ gồm:

1. Văn bản của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ quản về việc CBCCVC đi nước ngoài về việc riêng theo đơn đề nghị của CBCCVC gửi đến Sở Ngoại vụ.

2. Văn bản chấp thuận của Trung ương, cơ quan Đảng có thẩm quyền được quy định tại Điều 5, Quy định này (đối với đảng viên).

3. Chương trình hoặc lịch trình chuyến đi, thư mời (nếu có).

4. Đơn xin nghỉ phép có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp.

Điều 7. Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải đảm bảo đúng thể thức theo quy định và nội dung cần nêu rõ:

a) Họ và tên; chức vụ của CBCCVC, đơn vị công tác, là đảng viên hay không là đảng viên;

(Phải ghi rõ loại công chức, bậc lương, tên ngạch, mã ngạch đối với công chức; hạng viên chức, bậc lương, chức danh nghề nghiệp, mã số đối với viên

chức; ghi rõ chức danh và nhiệm kỳ công tác đối với cán bộ, công chức do bầu cử; ghi rõ cấp, hàm, chức vụ đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp; ghi rõ chức danh đối với nhân sự làm trong doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước);

b) Mục đích đi nước ngoài, thời gian ở nước ngoài, nước đến, nguồn kinh phí cho chuyến đi.

2. Công văn, thư mời, giấy chiêu sinh, giấy triệu tập, chương trình, kế hoạch chuyến đi,... của cơ quan, tổ chức, đơn vị mời, đề nghị hoặc cử đi nước ngoài (bản photocopy). Nếu văn bản bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt của cơ quan, tổ chức, đơn vị mời, đề nghị hoặc cử đi nước ngoài; hoặc bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng dịch thuật hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị cho CBCCVC đi nước ngoài về nội dung bản dịch.

Điều 8. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và thời hạn trả hồ sơ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đi nước ngoài về việc công, việc riêng của CBCCVC.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau: Nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Ngoại vụ; hoặc qua đường bưu điện đến Sở Ngoại vụ; hoặc qua đường thư điện tử theo địa chỉ email: songoaivu@tiengiang.gov.vn; hoặc thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh (Văn phòng điện tử).

2. Thời hạn giải quyết hồ sơ là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Trường hợp cần có ý kiến xác minh của Công an tỉnh đối với việc đi nước ngoài của CBCCVC thì thời gian giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Chương IV

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 9. Thẩm quyền quyết định việc đi nước ngoài

1. Đối với trường hợp đi nước ngoài về việc công:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về việc đi nước ngoài của CBCCVC.

2. Đối với trường hợp đi nước ngoài về việc riêng:

a) Trường hợp nhân sự đề nghị là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Sở Ngoại vụ lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Giám đốc Sở Ngoại vụ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đi nước ngoài của CBCCVC (trừ điểm a, khoản 2 này).

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu

1. Sở Ngoại vụ:

a) Tiếp nhận, kiểm tra và thẩm định hồ sơ đề nghị CBCCVC đi nước ngoài trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, đơn vị làm hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, công hàm cho CBCCVC đi công tác nước ngoài và hướng dẫn các thủ tục liên quan đến việc xin thị thực nhập cảnh vào các nước và các vấn đề khác liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh (nếu có đề nghị hoặc yêu cầu);

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, theo dõi việc CBCCVC của tỉnh đi nước ngoài; hướng dẫn, đôn đốc các CBCCVC đi nước ngoài báo cáo kết quả chuyến đi đúng thời gian quy định;

d) Xem xét, quyết định việc đi nước ngoài về việc riêng của CBCCVC theo điểm b, khoản 2 Điều 9, Quy định này.

2. Sở Nội vụ:

a) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cử CBCCVC đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài từ 06 tháng trở lên hoặc tham gia các khóa đào tạo đại học, sau đại học ở nước ngoài;

b) Xem xét có ý kiến bằng văn bản về việc cử CBCCVC đi học tập, bồi dưỡng, đào tạo đại học, sau đại học ở nước ngoài;

c) Quản lý và cấp phát kinh phí đi công tác nước ngoài cho CBCCVC thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.

3. Công an tỉnh:

a) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan và Sở Ngoại vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đi nước ngoài của CBCCVC;

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tiến hành xác minh, có ý kiến việc CBCCVC đi nước ngoài về việc công, việc riêng trong 07 ngày làm việc khi có yêu cầu.

4. Sở Tài chính:

Căn cứ các quy định pháp luật về chi ngân sách, phối hợp với các cơ quan, tổ chức đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định mức chi, nguồn chi khi có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Xem xét, chịu trách nhiệm đối với các trường hợp đề nghị CBCCVC của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình đi nước ngoài về việc công, việc riêng; quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của CBCCVC thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị mình khi CBCCVC đi công tác nước ngoài trở về cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, theo dõi CBCCVC của tỉnh đi nước ngoài;

c) Theo dõi, nhắc nhở CBCCVC của cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện báo cáo kết quả sau khi về nước theo quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm phổ biến đến toàn thể CBCCVC và thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có văn bản phản ánh về Sở Ngoại vụ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung./.

